

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngàytháng.... năm

ĐVT: triệu đồng VN

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Hướng dẫn cách lấy số liệu từ CĐTKKT
(1)	(2)	(3)		(5)	(6)	(7)
A	Tài sản					
I	Tiền mặt và chứng từ có giá trị ngoại tệ	100	1			DN TK 10
II	Tiền gửi tại NHNN	110	2			DN TK 11
III	Tiền gửi tại các TCTD khác	120	3			CT 120 = CT 121 + CT 122
1	Tiền gửi tại các TCTD khác	121				DN TK 131 -> 134
2	Dự phòng rủi ro(***)	122				DC TK 139
IV	Cho vay khách hàng	200	4			DN TK 21, 22, 24, 252, 255, 26, 27, 28 và TK 29 tương ứng
V	Góp vốn, đầu tư dài hạn	220	5			CT 220 = CT 221 + CT 222+ CT 223+CT 224 + CT 225
1	Đầu tư vào công ty con	221				DN TK 341,345
2	Góp vốn liên doanh	222				DN TK 342, 346
3	Đầu tư vào công ty liên kết	223				DN TK 343, 347
4	Đầu tư dài hạn khác	224				DN TK 344, 348
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (***)	225				DC TK 349
VI	Tài sản cố định	230				CT 230 = CT 231 + CT 234 + CT 237
1	Tài sản cố định hữu hình	231	6			CT 231 = CT 232 + CT 233
a	Nguyên giá TSCĐ hữu hình	232				DN TK 301

b	Hao mòn TSCĐ hữu hình (...)	233				DC TK 3051
2	Tài sản cố định thuê tài chính	234	7			CT234 = CT235+CT236
a	Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính	235				DN TK 303
b	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính (***)	236				DC TK 3053
3	Tài sản cố định vô hình	237	8			CT 237 = CT 238+CT 239
a	Nguyên giá TSCĐ vô hình	238				DN TK 302
b	Hao mòn TSCĐ vô hình (***)	239				DC TK 3052
VII	Tài sản Có khác	250	9			CT 250 = CT 251+CT 265 + CT 266 + CT 267
1	Các khoản phải thu	251				CT251 = CT 252 + CT 260
1.1	Các khoản nợ phải thu	252				CT 252 = CT 253 + CT 254 + CT 255 + CT 256 + CT257
a	Chờ NSNN thanh toán	253				DN TK 3539
b	Tạm ứng	254				DN TK 3531, 3612, 3613, 3622, 3623
c	Lãi, phí phải thu	255				DN TK 39
d	Các khoản phải thu khác	256				DN TK 351, 352, 3532, 3535, 355, 3591, 3592, 3614, 3615, 3619, 3629, 369.
e	Dự phòng phải thu khó đòi (***)	257				DC TK 3597, 3598, 3599
1.2	Phải thu trong hoạt động thanh toán	260				CT 260 = CT 261 + CT 262
a	Chờ thanh toán ghi thu-ghi chi vốn ODA cho vay lại	261				Chênh lệch DN>DC TK 54
b	Thanh toán khác	262				Chênh lệch DN>DC TK (50, 51)
2	Vật liệu, công cụ dụng cụ	265				DN TK 31
3	Xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ	266				DN TK 32
4	Tài sản Có khác	267				DN TK 38 (Trừ TK 384), (DN-DC) TK 47

	TỔNG TÀI SẢN CÓ	300				<u>CT 300 = CT 100+ CT 110 + CT120 + CT 200 + CT 220+ CT 230 + CT 250</u>
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU					
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	510	10			CT 510 = CT 511+ CT 512 + CT 513 + CT 514
1	Tiền gửi của KBNN	511				DC TK 401,402
2	Vay NHNN	512				DC TK 403, 404
3	Vay NSNN	513				DC TK 407, 408
4	Giao dịch bán và mua lại trái phiếu Chính phủ với KBNN	514				DC TK 405
II	Tiền gửi, tiền vay các TCTD khác	520	11			CT 520 = CT 521 + CT 522
1	Tiền gửi của các TCTD khác	521				DC TK 411, 412, 413, 414
2	Vay các TCTD khác	522				DC TK 415, 416, 417, 418, 419
III	Tiền gửi của khách hàng	530	12			CT 530 = CT 531 + CT 532 + CT 533
1	Tiền gửi của khách hàng trong nước	531				DC TK 421, 422
2	Tiền gửi của khách hàng nước ngoài	532				DC TK 425, 426
3	Ký quỹ, tiền gửi bảo đảm thanh toán	533				DC TK 427, 428
IV	Vốn nhận ủy thác đầu tư	540	13			CT 540 = CT 541 + CT 542 + CT 545 + CT 548
1	Nhận vốn ODA cho vay lại	541				DC TK 4412, 4422 (chi tiết)
2	Vốn ủy thác hỗ trợ sau đầu tư	542				CT 542 = CT 543 + CT 544
a	Vốn nhận ủy thác hỗ trợ sau đầu tư	543				DC TK 44 (chi tiết)
b	Cấp hỗ trợ sau đầu tư (***)	544				DN TK 3841
3	Vốn ủy thác cấp phát	545				CT 545 = CT 546 +CT 547

a	Vốn nhận ủy thác cấp phát	546				DC TK 44 (chi tiết)
b	Cấp phát ủy thác (***)	547				DN TK 3842, 3843
4	Vốn ủy thác cho vay	548				CT 548 = CT 549 + CT 550
a	Vốn nhận ủy thác cho vay	549				DC TK 44 (chi tiết)
b	Cho vay ủy thác (***)	550				DN TK 251, 253, 254, 256 và TK 29 tương ứng
V	Phát hành giấy tờ có giá	560	14			(DC- DN) TK 43
VI	Các tài sản Nợ khác	600				CT 600 = CT 610 + CT 630 + CT 640 + CT 645
1	Các khoản phải trả	610				CT 610 = CT 611 + CT 620
1.1	Các khoản nợ phải trả	611	15			CT 611 = CT 612 + CT 613 + CT 614 + CT 615
a	Lãi, phí phải trả	612				DC TK 49
b	Phải trả CBVC	613				DC TK 462
c	Các khoản phải nộp Nhà nước	614				DC TK 453
d	Các khoản phải trả phải nộp khác	615				DC TK 45 (trừ 453), 46 (trừ 462, 466)
1.2	Phải trả trong hoạt động thanh toán	620				CT 620 = CT 621 + CT 622
a	Chờ thanh toán ghi thu-ghi chi vốn ODA cho vay lại	621				Chênh lệch DN<DC TK 54
b	Phải trả khác trong hoạt động thanh toán	622				Chênh lệch DN<DC TK (50, 51)
2	Quỹ dự phòng rủi ro	630				CT 630 = CT 631 + CT 632
a	Quỹ dự phòng rủi ro cho vay	631	16			DC TK 4897
b	Dự phòng rủi ro khác	632				DC TK 489 (trừ TK4897)
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	640				DC TK 484
4	Tài sản Nợ khác	645				DC TK 482, 488, (DC- DN) TK 47

VII	Vốn chủ sở hữu	700	17			CT 700 = CT 710 + CT 720+ CT 730 + CT 740+ CT 750 + CT 760
1	Vốn của NHPT	710				CT 710 = CT 711 +CT 712 + CT 719
a	Vốn điều lệ	711				DC TK 601
b	Vốn đầu tư XD CB	712				DC TK 602
c	Vốn khác	719				DC TK 609
2	Quỹ của NHPT	720				CT 720 = CT 721 + CT 722 + CT 723 + CT 724
a	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	721				DC TK 611
b	Quỹ đầu tư phát triển	722				DC TK 612
c	Quỹ dự phòng tài chính	723				DC TK 613
d	Quỹ khác thuộc VCSH	724				DC TK 619
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	730				DC-DN TK 63
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản(*)	740				DC-DN TK 64
5	Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ trước (*)	750				DC-DN TK 692
6	Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ này (*)	760	18			DC- DN TK 691
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	800				<u>CT 800 = CT 510 + CT 520 + CT 530 + CT 540 + CT 560 + CT 600 + CT 700</u>

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Hướng dẫn cách lấy số liệu từ bảng CĐTKKT
1	2	3	4	5	6	7
1	Bảo lãnh vay vốn	901				TK 921
2	Cam kết cho vay không hủy ngang	905				TK 924
3	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C)	910				TK 925

4	Bảo lãnh khác	915				TK 922, 928
5	Cam kết khác	920				TK 929
6	Lãi cho vay và phí chưa thu được	930	4.4			TK 94
7	Nợ khó đòi đã xử lý	950				TK 97
8	Tài sản và chứng từ khác	970				TK 992, 993, 994, 995, 999

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

....., ngày.... tháng.... năm.....
TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- DN là chữ viết tắt “Đư nợ”; DC là chữ viết tắt “Đư có”; CT là chữ viết tắt “Chỉ tiêu”.
- Những chỉ tiêu đánh dấu (*): nếu DN>DC thì ghi ở dạng số âm.
- Những chỉ tiêu đánh dấu (***): ghi ở dạng số âm.
- Khi lập Báo cáo tình hình tài chính phải loại trừ các giao dịch phát sinh trong nội bộ NHPT.
- Chỉ tiêu nào không phát sinh thì không phải trình bày trên báo cáo.